CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW
Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	1.1.2011	30/06/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**218.971.198.775**	**218.572.186.861**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**17.037.708.863**	**56.823.566.986**
1. Tiền	111	V.01	17.037.708.863	36.823.566.986
2. Các khoản tương đương tiền	112			20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**	**0**	**0**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**103.077.409.704**	**95.135.058.000**
1. Phải thu của khách hàng	131		96.701.747.092	90.777.300.397
2. Trả trước cho người bán	132		5.014.884.661	2.722.204.347
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1.693.885.985	1.745.588.990
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-333.108.034	-110.035.734
IV. Hàng tồn kho	**140**		**97.002.242.350**	**65.860.001.646**
1. Hàng tồn kho	141	V.04	97.678.833.350	66.260.923.336
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-676.591.000	-400.921.690
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.853.837.858**	**753.560.229**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		847.704.739	245.997.551
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		178.506.666	132.607.555
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	106.464.442	106.464.442
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		721.162.011	268.490.681
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**84.015.146.336**	**86.218.854.302**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		0	0
II. Tài sản cố định	**220**		**51.488.387.514**	**51.868.354.732**
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	44.820.278.067	45.357.345.285
- Nguyên giá	222		58.557.523.439	61.688.574.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-13.737.245.372	-16.331.229.331
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	3.025.612.556	2.868.512.556
- Nguyên giá	228		3.966.787.000	3.966.787.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-941.174.444	-1.098.274.444
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3.642.496.891	3.642.496.891
III. Bất động sản đầu tư	**240**	**V.12**	**0**	**0**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**31.906.632.100**	**34.145.633.700**
1. Đầu tư vào công ty con	251			30.608.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		29.546.638.000	1.817.638.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	3.944.000.000	3.944.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-1.584.005.900	-2.224.004.300
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**620.126.722**	**204.865.870**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	620.126.722	204.865.870
3. Tài sản dài hạn khác	268			
CỘNG	**270**		**302.986.345.111**	**304.791.041.163**

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW
Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	1.1.2011	30/06/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**97.520.272.914**	**94.917.975.956**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**96.959.380.914**	**94.450.564.956**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	0	0
2. Phải trả người bán	312		49.753.867.843	35.994.795.635
3. Người mua trả tiền trước	313		12.794.721.953	10.501.087.700
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V..16	6.476.973.915	1.129.760.004
5. Phải trả người lao động	315		18.316.199.985	24.426.711.452
6. Chi phí phải trả	316	V.17	188.147.569	320.984.100
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	3.379.959.409	13.186.046.652
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Qũy khen thưởng, phúc lợi	323		6.049.510.240	8.891.179.413
II. Nợ dài hạn	**330**		**560.892.000**	**467.411.000**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	560.892.000	467.411.000
8.Doanh thu chưa thực hiện	338			0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ				
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**205.466.072.197**	**209.873.065.207**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.22**	**205.466.072.197**	**209.873.065.207**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		81.341.610.000	81.341.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54.797.592.850	54.797.592.850
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		4.639.228.115	28.959.657
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.636.370.157	28.989.455.885
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.837.898.950	5.892.458.324
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			0
10. Lợi nhuận sau thế chưa phân phối	420		43.213.372.125	38.822.988.491
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	0
CỘNG	**440**		**302.986.345.111**	**304.791.041.163**

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW
Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	1.1.2011	30/06/2011
1. Tài sản thuê ngoài			0	0
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công			1.431.386.527	1.431.386.527
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý			50.753.000	208.213.500
5. Ngoại tệ các loại			0	0
5A.USD			111.753,05	7.862,64
5B.CNY			447.383,90	248.907,91
5C.KIP			-	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Lập, ngày 18 tháng 07 năm 2011

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	PHAN THẾ TÝ	TRẦN KIM LIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW
Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	171.343.215.026	119.358.701.408	273.732.982.830	193.414.781.962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		5.968.145.000	4.748.583.700	11.301.871.550	8.764.759.942
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**165.375.070.026**	**114.610.117.708**	**262.431.111.280**	**184.650.022.020**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	106.072.956.195	73.060.656.526	175.441.107.782	120.985.271.186
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		**59.302.113.831**	**41.549.461.182**	**86.990.003.498**	**63.664.750.834**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.545.081.425	344.148.749	2.315.512.689	1.473.244.561
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	707.984.913	627.866.104	784.282.612	1.063.669.596
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.380.160	17.058.254	13.952.202	17.058.254
8. Chi phí bán hàng	24		24.447.073.991	15.952.792.960	30.891.425.112	21.585.036.154
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.909.247.644	4.879.849.816	18.201.283.418	9.429.991.857
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**23.782.888.708**	**20.433.101.051**	**39.428.525.045**	**33.059.297.788**
11. Thu nhập khác	31		65.852.000	585.992.850	91.907.309	604.992.850
12. Chi phí khác	32		13.896.942	8.000.000	13.896.942	13.100.000
13. Lợi nhuận khác	40		51.955.058	577.992.850	78.010.367	591.892.850
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**23.834.843.766**	**21.011.093.901**	**39.506.535.412**	**33.651.190.638**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	54	VI.30	(1.895.068.437)	5.254.773.475	683.546.921	8.415.797.659
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		**25.729.912.203**	**15.756.320.426**	**38.822.988.491**	**25.235.392.979**

Ngày 18 tháng 07 năm 2011

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	PHAN THẾ TÝ	TRẦN KIM LIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW
Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 30/06/2011

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				-
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		254.823.241.748	174.217.043.921
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(159.386.313.193)	(159.818.879.279)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(12.108.892.903)	(9.210.783.294)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(13.952.202)	(17.058.254)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(5.992.659.714)	(4.469.176.933)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		16.581.393.986	19.265.492.765
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7		(35.889.855.127)	(24.136.405.256)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**58.012.962.595**	**(4.169.766.330)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.747.953.800)	
2. Tiền thu từ t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			866.972.160
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(27.729.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		466.202.548	468.446.538
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(2.281.751.252)**	**(26.393.581.302)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả v/góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p/hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(93.481.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.932.450.700)	(8.014.161.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(16.025.931.700)**	**(8.014.161.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**39.705.279.643**	**(38.577.508.632)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**17.037.708.863**	**72.740.817.141**
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		**80.578.480**	**22.499.080**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**56.823.566.986**	**34.185.807.589**

Ngày 18 tháng 07 năm 2011

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	PHAN THẾ TÝ	TRẦN KIM LIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG